

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Việt Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 08/05/2018)
Ông Đặng Tiệp	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm ngày 24/03/2018, miễn nhiệm 08/05/2018)
Ông Lê Thái Cường	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 24/03/2018)
Ông Trần Tuấn Hùng	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị (Bổ nhiệm 24/03/2018)
Ông Tạ Minh Nguyên	Thành viên (Bổ nhiệm 24/03/2018)
Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Thành viên (Miễn nhiệm 24/03/2018)
Bà Vũ Thị Phú	Thành viên (Miễn nhiệm 24/03/2018)
Bà Đào Kim Phương	Thành viên (Miễn nhiệm 24/03/2018)
Ông Hoàng Anh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm 24/03/2018)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Tiệp	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 24/03/2018)
Ông Trịnh Trung Nghĩa	Quyền Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 24/03/2018)
Ông Trịnh Trung Nghĩa	Quyền Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 08/05/2018)
Ông Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành (Bổ nhiệm 08/05/2018)
Bà Hoàng Thị Ngọc Lan	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm 12/04/2018)
Ông Lê Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm 15/05/2018)
Bà Trịnh Thị Huế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/01/2018)
Ông Trịnh Quốc Hữu	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 31/01/2018)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đào Việt Anh - Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI

Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của doanh nghiệp với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Đào Việt Anh

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 11 tháng 08 năm 2018

Số: 304 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải**

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2018, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (gọi chung là “Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ban Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Chủ tịch Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410-Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề khác

Các thông tin tài chính cho mục đích so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng, là các thông tin được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác với Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 số 27/2018/CPA HANOI - BCKT phát hành ngày 06 tháng 03 năm 2018 và Báo cáo soát xét cho giai đoạn 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2017 số 219/2017/CPA HANOI - BCKT phát hành ngày 31 tháng 07 năm 2017 với ý kiến chấp nhận toàn phần.



Nguyễn Đức Tiến

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0517-2018-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018


Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.994.757.455	113.057.029.859
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	67.577.348.676	72.026.993.746
1. Tiền	111		12.480.307.580	7.026.993.746
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.097.041.096	65.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.096.212.362	31.903.519.530
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	27.193.724.399	23.153.773.949
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.252.750.000	1.465.323.750
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	9.649.737.963	7.284.421.831
III. Hàng tồn kho	140	7	4.660.507.033	5.758.813.862
1. Hàng tồn kho	141		4.660.507.033	7.258.813.862
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.500.000.000)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.660.689.384	3.367.702.721
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.354.054.081	811.395.408
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.970.331.521	2.354.896.281
3. Thuế và các khoản phải thu của Nhà nước	153	13	336.303.782	201.411.032
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		109.710.590.949	119.331.846.696
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.791.711.890	4.794.956.890
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		2.472.000.000	2.472.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	6	2.319.711.890	2.322.956.890
II. Tài sản cố định	220		92.945.922.470	97.487.002.066
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	85.990.606.103	90.317.148.531
- Nguyên giá	222		185.725.093.533	185.698.366.657
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(99.734.487.430)	(95.381.218.126)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	6.955.316.367	7.169.853.535
- Nguyên giá	228		12.418.804.956	12.418.804.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.463.488.589)	(5.248.951.421)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		738.910.728	2.664.839.606
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		738.910.728	2.664.839.606
IV. Tài sản dài hạn khác	260		11.234.045.861	14.385.048.134
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.240.211.046	2.563.882.388
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	(20.669.466)
3. Lợi thế thương mại	269	11	8.993.834.815	11.841.835.212
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		223.705.348.404	232.388.876.555

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		23.701.480.485	20.495.905.123
I. Nợ ngắn hạn	310		18.029.516.153	14.254.083.204
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	8.310.478.382	6.462.080.218
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		386.161.430	261.943.930
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	2.195.284.312	1.967.004.122
4. Phải trả người lao động	314		1.218.059.283	1.392.935.171
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		213.650.250	164.388.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		25.200.000	87.018.185
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	2.108.504.524	2.822.087.451
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	2.612.840.000	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		959.337.972	1.096.626.127
II. Nợ dài hạn	330		5.671.964.332	6.241.821.919
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	53.055.165
2. Phải trả dài hạn khác	337	14	5.018.931.600	5.824.307.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		653.032.732	364.459.754
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		200.003.867.919	211.892.971.432
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	200.003.867.919	211.892.971.432
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		187.110.000.000	187.110.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		187.110.000.000	187.110.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.287.359.500	9.287.359.500
3. Cổ phiếu quỹ	415		(15.682.334.790)	(15.682.334.790)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.435.343.114	6.294.093.751
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		354.014.390	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.133.083.506	24.365.867.017
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.980.264.132	6.733.231.372
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.152.819.374	17.632.635.645
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		366.402.199	517.985.954
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		223.705.348.404	232.388.876.555


Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2018


Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng




Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	77.347.508.857	80.335.074.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		77.347.508.857	80.335.074.600
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	18	60.529.220.092	60.949.063.975
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		16.818.288.765	19.386.010.625
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.597.732.059	1.364.827.816
7. Chi phí tài chính	22		17.583.145	41.626.609
- Bao gồm: Chi phí lãi vay	23		17.569.198	37.201.768
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	10.022.457.833	9.425.615.305
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		8.375.979.846	11.283.596.527
10. Thu nhập khác	31		861.336.006	719.661.585
11. Chi phí khác	32		886.303.757	20.340.825
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(24.967.751)	699.320.760
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.351.012.095	11.982.917.287
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	2.499.938.430	3.044.674.592
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		288.572.978	33.782.886
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		5.562.500.687	8.904.459.809
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			5.556.939.653	8.880.740.950
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			5.561.034	23.718.859
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	321	501

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2018

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU

Mã số Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	114.053.538.536	87.698.664.451
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(84.543.613.171)	(52.059.082.981)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(8.446.699.256)	(8.988.634.409)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(17.569.198)	(37.201.768)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(3.174.806.564)	(2.475.089.738)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	92.929.194.971	66.417.266.289
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(101.194.440.981)	(72.809.290.363)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.605.604.337	17.746.631.481

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.856.896.851)	(5.188.240.838)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	642.000.000	735.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(134.300.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.063.589.999	1.364.827.816
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	848.693.148	(3.220.713.022)

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.612.840.000	12.624.720.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(12.624.720.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.519.148.527)	(21.294.587.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(14.906.308.527)	(21.294.587.627)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4.452.011.042)	(6.768.669.168)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	72.026.993.746	65.184.255.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	2.365.972	(6.811)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	67.577.348.676	58.415.579.570

Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2018

Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải (gọi tắt là Công ty) được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp số 0200793081, do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/03/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 14/05/2018.

Công ty có trụ sở tại: số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 187.110.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2018 là 11 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 11 người).

Hoạt động kinh doanh chính: Dịch vụ logistics và dịch vụ đại lý tàu biển.

Ngành nghề kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác.)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung); Dịch vụ logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển.
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm và chế phẩm vệ sinh.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng).
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Vận tải hàng hóa đường sắt.
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê container.
- Cho thuê xe có động cơ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải - Chi nhánh Hồ Chí Minh: hạch toán độc lập.
- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải: Công ty sở hữu 99,35% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Container Minh Thành: Công ty sở hữu 99,947% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải: Công ty sở hữu 99% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải: Công ty sở hữu 99,68% vốn điều lệ;
- Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội: Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này được trình bày cho giai đoạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền) phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, do đó, Công ty chưa áp dụng giá trị hợp lý trong trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý (Tiếp theo)

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Thời gian hữu dụng ước tính</u>
	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	09 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản trả trước (Tiếp theo)**

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông/thành viên/chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.147.709.926	1.228.481.081
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	361.992.440	180.844.091
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	169.922.993	8.599.481
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	1.007.079.481	824.965.031
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội	46.455.933	17.159.605
Công ty TNHH Container Minh Thành	237.588.455	17.460.450
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	190.758.410	146.461.018
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	133.912.214	32.991.405
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.332.597.654	5.798.512.665
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	2.330.490.286	1.914.342.033
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	2.634.179.508	599.739.743
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	226.012.141	919.360.137
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội	142.656.465	87.990.377
Công ty TNHH Container Minh Thành	1.176.121.909	167.331.845
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	1.680.960.834	1.788.300.631
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	2.142.176.511	321.447.899
Các khoản tương đương tiền (i)	55.097.041.096	65.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	55.097.041.096	65.000.000.000
Cộng	67.577.348.676	72.026.993.746

i. Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	625.361.341	507.408.160
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	21.488.717.277	18.003.141.326
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	1.140.754.951	1.309.483.675
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội	39.721.237	4.438.800
Công ty TNHH Container Minh Thành	569.930.163	443.002.331
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	1.053.648.972	1.094.425.894
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	2.275.590.458	1.791.873.763
Cộng	27.193.724.399	23.153.773.949

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn khác	9.649.737.963	7.284.421.831
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	764.364.425	588.815.112
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	5.222.883.434	4.249.127.373
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	2.061.077.853	1.501.785.916
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội	50.000.000	45.000.000
Công ty TNHH Container Minh Thành	10.000.000	10.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	56.500.000	127.132.300
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	1.484.912.251	762.561.130
Phải thu dài hạn khác	2.319.711.890	2.322.956.890
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	28.768.572	32.013.572
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội	35.943.318	35.943.318
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	2.255.000.000	2.255.000.000

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Nguyên liệu, vật liệu	4.779.142	-	13.873.448	-
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	4.779.142	-	13.873.448	-
b) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	384.021.590	-	417.914.539	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	384.021.590	-	417.914.539	-
c) Hàng hoá	4.271.706.301	-	6.827.025.875	(1.500.000.000)
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải (i)	-	-	2.296.257.484	(1.500.000.000)
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	2.947.929.163	-	3.161.809.162	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	1.323.777.138	-	1.368.959.229	-
Cộng	4.660.507.033	-	7.258.813.862	(1.500.000.000)

i. Trong kỳ, Công ty thực hiện hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do xuất bán trong năm.

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngắn hạn	1.354.054.081	811.395.408
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	400.733.281	497.926.550
- Phân bổ công cụ dụng cụ	119.342.745	184.213.678
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	833.978.055	129.255.180
Dài hạn	2.240.211.046	2.563.882.388
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	951.134.831	1.673.204.345
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	701.272.505	522.246.109
- Đo đạc bản đồ, lập quy hoạch bãi	316.370.463	64.393.947
- Chi phí trả trước dài hạn khác	271.433.247	304.037.987

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	128.244.177.763	8.021.274.718	48.569.280.463	863.633.713	185.698.366.657
Mua trong kỳ	-	52.000.000	-	-	52.000.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.625.710.272	-	-	-	3.625.710.272
Thanh lý nhượng bán	-	-	(1.689.366.000)	-	(1.689.366.000)
Giảm khác	-	-	(1.961.617.396)	-	(1.961.617.396)
Số dư cuối kỳ	131.869.888.035	8.073.274.718	44.918.297.067	863.633.713	185.725.093.533
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ					
Số dư đầu kỳ	51.344.173.156	5.422.154.536	37.797.388.951	817.501.483	95.381.218.126
Khấu hao trong kỳ	4.539.447.829	550.389.434	2.336.571.094	18.835.945	7.445.244.302
Thanh lý nhượng bán	-	-	(883.604.166)	-	(883.604.166)
Giảm khác	-	-	(2.208.370.832)	-	(2.208.370.832)
Số dư cuối kỳ	55.883.620.985	5.972.543.970	37.041.985.047	836.337.428	99.734.487.430
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư cuối kỳ	75.986.267.050	2.100.730.748	7.876.312.020	27.296.285	85.990.606.103
Số dư đầu kỳ	76.900.004.607	2.599.120.182	10.771.891.512	46.132.230	90.317.148.531

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn. Một số tài sản cố định được dùng để đảm bảo cho các khoản ngắn hạn tại Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 21.000.922.184 đồng (Tại ngày 31/12/2017 là 20.005.616.012 đồng).

10. TĂNG/ GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu kỳ	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
Mua trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	12.348.804.956	70.000.000	12.418.804.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư đầu kỳ	5.178.951.421	70.000.000	5.248.951.421
Khấu hao trong kỳ	214.537.168	-	214.537.168
Số dư cuối kỳ	5.393.488.589	70.000.000	5.463.488.589
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối kỳ	6.955.316.367	-	6.955.316.367
Số dư đầu kỳ	7.169.853.535	-	7.169.853.535

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 30/06/2018 là 70.000.000 đồng (Tại ngày 31/12/2017 là 70.000.000 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	647.783.874	1.295.567.748
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	1.245.484.919	2.490.969.840
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	188.654.967	377.309.934
Công ty TNHH Container Minh Thành	6.911.911.055	7.677.987.690
Cộng	8.993.834.815	11.841.835.212

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	8.310.478.382	6.462.080.218
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	307.728.863	196.498.695
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	-	29.664.600
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	4.650.323.300	4.093.703.500
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội	70.744.264	40.767.827
Công ty TNHH Container Minh Thành	4.950.000	4.950.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	1.240.568.304	1.315.595.712
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	2.036.163.651	780.899.884

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	535.038.609	12.602.065.701	12.690.747.030	-	446.357.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp	201.411.032	1.393.772.520	2.499.938.431	3.174.806.564	286.054.782	803.548.137
Thuế thu nhập cá nhân	-	38.192.993	675.079.331	667.893.429	-	45.378.895
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	950.264.000	100.513.000	50.249.000	900.000.000
Thuế môn bài	-	-	17.000.000	17.000.000	-	-
Cộng	201.411.032	1.967.004.122	16.744.347.463	16.650.960.023	336.303.782	2.195.284.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Ngắn hạn	2.108.504.524	2.822.087.451
Bảo hiểm xã hội;	136.465.713	-
Bảo hiểm y tế;	24.101.346	-
Bảo hiểm thất nghiệp;	9.954.862	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	461.969.500	633.460.700
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	461.969.500	633.460.700
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.476.013.103	2.188.626.751
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	396.970.402	902.440.528
- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	1.299.485	10.360.000
- Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	-	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội	25.000.000	25.000.000
- Công ty TNHH Container Minh Thành	30.000.000	30.000.000
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	590.934.216	807.621.223
- Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	431.809.000	413.205.000
Dài hạn	5.018.931.600	5.824.307.000
Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	5.018.931.600	5.824.307.000
- Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	3.000.000	3.000.000
- Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	4.796.931.600	5.602.307.000
- Công ty TNHH Container Minh Thành	219.000.000	219.000.000

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn (i)	2.612.840.000	2.612.840.000	15.499.160.000	12.886.320.000	-	-

(i) Khoản vay ngắn hạn là khoản vay tại Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/1005315/HĐTD ngày 28/03/2018 với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ. Theo hợp đồng trên:

- Hạn mức tín dụng thường xuyên là 6 tỷ đồng;
- Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động kinh doanh;
- Thời hạn cho vay, lãi suất và phí được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ bao gồm: Hợp đồng thế chấp bất động sản ngày 26/12/2012 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2013/HĐ ngày 20/12/2013 ký giữa Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Thọ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	187.110.000.000	9.287.359.500	(11.148.095.412)	5.341.233.793	-	30.115.647.602	576.382.875	221.282.528.358
Tăng vốn trong năm	-	-	(4.534.239.378)	-	-	-	-	(4.534.239.378)
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	17.632.635.645	-	17.632.635.645
Tăng khác	-	-	-	952.859.958	-	-	-	952.859.958
Giảm khác	-	-	-	-	-	(23.382.416.230)	(58.396.921)	(23.440.813.151)
Số dư đầu kỳ này	187.110.000.000	9.287.359.500	(15.682.334.790)	6.294.093.751	-	24.365.867.017	517.985.954	211.892.971.432
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	5.556.939.653	5.561.034	5.562.500.687
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	174.438.601	474.111.845	(18.035.288.527)	-	(17.386.738.081)
Tăng/Giảm khác	-	-	-	(33.189.238)	(120.097.455)	245.565.363	(157.144.789)	(64.866.119)
Số dư cuối kỳ này	187.110.000.000	9.287.359.500	(15.682.334.790)	6.435.343.114	354.014.390	12.133.083.506	366.402.199	200.003.867.919

i. Khoản phân phối lợi nhuận gồm có:

a. Phân phối lợi nhuận tại Công ty mẹ: thực hiện phân phối lợi nhuận theo nghị quyết đại hội cổ đông số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/03/2018 như sau:

	Số tiền
	VND
Chi trả cổ tức năm 2017	17.315.266.000
Quỹ khen thưởng phúc lợi	71.472.081
Quỹ đầu tư phát triển	71.472.081
Quỹ phát triển thị trường	71.472.081
	17.529.682.243

b. Trích quỹ tại các công ty con với tổng số tiền 505.606.284 đồng.

Số cổ tức Công ty đã trả trong kỳ là 17.519.148.527 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.711.000	18.711.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu phổ thông	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	1.395.734	1.395.734
+ Cổ phiếu phổ thông	1.395.734	1.395.734
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu phổ thông	17.315.266	17.315.266
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá	10.000	10.000

Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu kỳ</u>
	VND	VND
Vốn góp của các Cổ đông	173.152.660.000	173.152.660.000
Cổ phiếu quỹ	13.957.340.000	13.957.340.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</u>	<u>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</u>
	VND	VND
Doanh thu bãi	10.614.677.611	13.126.010.072
Doanh thu vận tải	43.888.426.979	43.109.080.168
Doanh thu khai thác CFS	11.194.409.366	12.161.806.313
Doanh thu dịch vụ khác	11.649.994.901	11.938.178.047
Cộng	<u>77.347.508.857</u>	<u>80.335.074.600</u>

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</u>	<u>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</u>
	VND	VND
Giá vốn bãi	9.688.441.603	10.216.404.691
Giá vốn dịch vụ vận tải	32.821.093.907	32.123.381.549
Giá vốn khai thác CFS	8.671.328.265	9.162.477.330
Giá vốn dịch vụ khác	10.848.356.317	9.446.800.405
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (1.500.000.000)	-	-
Cộng	<u>60.529.220.092</u>	<u>60.949.063.975</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.336.106.102	3.877.269.881
Chi phí nhân công	8.112.030.396	8.834.375.188
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.850.471.902	9.002.380.080
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.016.528.598	44.800.968.336
Chi phí khác bằng tiền	2.572.783.524	1.011.685.400
Lợi thế thương mại	2.848.000.395	2.848.000.395
Hoàn nhập dự phòng	(1.500.000.000)	-
Cộng	68.235.920.917	70.374.679.280

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.594.896.706	1.364.827.816
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.835.353	-
Cộng	1.597.732.059	1.364.827.816

21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	2.582.117.304	2.232.025.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	431.778.310	444.828.094
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.333.728.091	2.574.980.604
Thuế phí, lệ phí	1.021.334.720	986.735.912
Chi phí bằng tiền khác	805.499.013	339.044.900
Lợi thế thương mại	2.848.000.395	2.848.000.395
Cộng	10.022.457.833	9.425.615.305

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên hải	-	239.980.816
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải Phú Thọ	1.729.081.564	1.947.678.012
Công ty TNHH Vận tải đường bộ Duyên hải	348.925.271	262.817.014
Công ty TNHH MTV Vận tải đa phương thức Duyên hải Hà Nội	-	-
Công ty TNHH Container Minh Thành	162.456.965	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên hải	-	396.832.416
Công ty TNHH Vận tải Duyên hải	259.474.630	197.366.334
Cộng	2.499.938.430	3.044.674.592

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
	VND	VND
Lợi nhuận kê toán sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.556.939.653	8.880.740.950
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.556.939.653	8.880.740.950
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	17.315.266	17.710.866
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	321	501
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

- i. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24/03/2018, Công ty mới thông qua tờ trình về việc phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2017. Do đó, tại kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, Công ty chưa có cơ sở để trích Quỹ khen thưởng phúc lợi. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được điều chỉnh lại là 501 đồng (tại báo cáo cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, số lãi cơ bản trên cổ phiếu đang trình bày là 488 đồng).

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý:

Khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty chỉ diễn ra tại khu vực Miền Bắc, trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là dịch vụ logistics. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại đầu kỳ	Tại cuối kỳ
	VND	VND
Các khoản vay	2.612.840.000	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(67.577.348.676)	(72.026.993.746)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	200.003.867.919	211.892.971.432
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,00%	0,00%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2018	1/1/2018	30/06/2018	1/1/2018
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.577.348.676	72.026.993.746	67.577.348.676	72.026.993.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.635.174.252	35.233.152.670	41.635.174.252	35.233.152.670
Tổng cộng	109.212.522.928	107.260.146.416	109.212.522.928	107.260.146.416
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	2.612.840.000	-	2.612.840.000	-
Phải trả người bán và phải trả khác	15.437.914.506	15.108.474.669	15.437.914.506	15.108.474.669
Chi phí phải trả	213.650.250	164.388.000	213.650.250	164.388.000
Tổng cộng	18.264.404.756	15.272.862.669	18.264.404.756	15.272.862.669

Công ty đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo giá gốc và dự phòng. Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	67.577.348.676	-	67.577.348.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	36.843.462.362	2.319.711.890	39.163.174.252
Phải thu về cho vay	-	2.472.000.000	2.472.000.000
Tổng cộng	104.420.811.038	4.791.711.890	109.212.522.928
Tại ngày 30/06/2018			
Các khoản vay	2.612.840.000	-	2.612.840.000
Phải trả người bán và phải trả khác	10.418.982.906	5.018.931.600	15.437.914.506
Chi phí phải trả	213.650.250	-	213.650.250
Tổng cộng	13.245.473.156	5.018.931.600	18.264.404.756
Chênh lệch thanh khoản thuần	91.175.337.882	(227.219.710)	90.948.118.172
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018			
Tiền và các khoản tương đương tiền	72.026.993.746	-	72.026.993.746
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.438.195.780	2.322.956.890	32.761.152.670
Phải thu về cho vay	-	2.472.000.000	2.472.000.000
Tổng cộng	102.465.189.526	4.794.956.890	107.260.146.416
Tại ngày 01/01/2018			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	9.284.167.669	5.824.307.000	15.108.474.669
Chi phí phải trả	164.388.000	-	164.388.000
Tổng cộng	9.448.555.669	5.824.307.000	15.272.862.669
Chênh lệch thanh khoản thuần	93.016.633.857	(1.029.350.110)	91.987.283.747

26. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Từ ngày 01/01/2018</u> <u>đến ngày 30/06/2018</u>	<u>Từ ngày 01/01/2017</u> <u>đến ngày 30/06/2017</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát	726.866.500	753.860.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 đã được soát xét bởi công ty kiểm toán khác.



Nguyễn Thu Thủy
Người lập biểu
Hải Phòng, ngày 11 tháng 8 năm 2018



Nguyễn Thu Thủy
Kế toán trưởng



Đào Việt Anh
Chủ tịch Hội đồng Quản trị